

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 676/TTr-VPUBND ngày 06 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi Khoản 3 Điều 1:

“3. Những nội dung có liên quan khác không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

2. Bổ sung Khoản 4 Điều 5:

“4. Thông điệp dữ liệu được gửi qua Hộp thư điện tử của cơ quan tiếp nhận, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (địa chỉ: <https://daklak.gov.vn> tại mục tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân) hoặc địa chỉ của Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đã được cơ quan tiếp nhận công bố công khai.”

3. Bổ sung Khoản 4 Điều 6:

“4. Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị bằng thông điệp dữ liệu được gửi qua Hộp thư điện tử của cơ quan tiếp nhận, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Phản ánh, kiến nghị phải gửi đúng địa chỉ thư điện tử, địa chỉ truy cập Cổng Thông tin điện tử của tỉnh hoặc địa chỉ của Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đã được cơ quan tiếp nhận công bố công khai.

b) Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; phong chữ của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ tiếng Việt Unicode) theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001.

c) Thể hiện rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

d) Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử hoặc địa chỉ thư tín khi cần liên hệ của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

đ) Đính kèm các tệp tin có định dạng phù hợp theo yêu cầu của hệ thống thông tin.”

4. Sửa đổi Khoản 1 Điều 7:

“1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được quy định tại Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND.”

5. Sửa đổi Điều 8:

“Điều 8. Địa chỉ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, số 09 đường Lê Duẩn, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

a) Số điện thoại chuyên dùng: 080 50179

b) Số Fax: 080 50554

c) Địa chỉ Hộp thư điện tử: phongkstthc@vpubnd.daklak.gov.vn

2. Gửi phản ánh, kiến nghị qua hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân tại địa chỉ: <https://nguoidan.chinhphu.vn>; doanh nghiệp tại địa chỉ: <https://doanhnghiep.chinhphu.vn>”

6. Sửa đổi Khoản 2 Điều 9:

“2. Đối với các phản ánh, kiến nghị được thực hiện thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến, quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị được thực hiện theo

quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP; Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.”

7. Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 10:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xử lý phản ánh, kiến nghị và các cơ quan, đơn vị liên quan phải kiểm tra, xác minh, xử lý dứt điểm nội dung phản ánh, kiến nghị; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị biết; trường hợp vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả xử lý về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

8. Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 10:

“b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xử lý phản ánh, kiến nghị và các cơ quan, đơn vị liên quan phải kiểm tra, xác minh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 14, Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP; Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị có liên quan có thể liên hệ và làm việc trực tiếp với cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị để làm rõ những nội dung có liên quan; cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thông báo về phương án xử lý, kết quả xử lý, giải quyết cho cá nhân, tổ chức phản ánh, kiến nghị biết và gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp và báo cáo theo quy định.”

9. Sửa đổi Điều 11:

“Điều 11. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo đúng quy định tại Điều 19 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP; Khoản 8 Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.”

10. Thay cụm từ “Sở Tư pháp” thành “Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh” trong nội dung tại Điều 2 của Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Điều 9, Điều 10 và Điều 12 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành cụm từ “Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.”

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và lồng ghép báo cáo việc tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính vào báo cáo kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **09** tháng **10** năm 2019. *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật);
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (GL 25).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị